

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 39 364 540 Fax: (84.24) 39 364 542
Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Ngọc Ninh
Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 39 364 540 Fax: (84.24) 39 364 542
Loại thông tin công bố: Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Chúng tôi sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký/điều chỉnh giấy phép có liên quan trong thời gian tới và thực hiện công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022
Người thực hiện công bố thông tin



Phạm Ngọc Ninh

Văn phòng tại Hà Nội
Tòa nhà Vietcombank, Tầng 15,
198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm

Văn phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Tòa nhà Centec Tower, Tầng 14,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Quận 3

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK**

Được Hội Đồng Thành viên thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022



Global Knowledge. Local Expertise

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 2. Tên Công Ty	5
Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	6
Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính và trụ sở chi nhánh	6
Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.....	6
Điều 6. Thời hạn hoạt động	7
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật.....	7
Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ - THÀNH VIÊN GÓP VỐN.....	7
Điều 8. Vốn Điều Lệ và thay đổi Vốn Điều Lệ.....	7
Điều 9. Thành Viên Góp Vốn	7
Điều 10. Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp.....	8
Điều 11. Sổ đăng ký thành viên	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Thành Viên Góp Vốn	9
Điều 13. Mua lại phần vốn góp.....	11
Điều 14. Chuyển nhượng phần vốn góp	11
Điều 15. Xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt.....	12
Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY.....	12
Điều 16. Hình thức tổ chức của Công Ty	12
Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty.....	12
Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty gồm Hội Đồng Thành Viên, Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Tổng Giám đốc.....	12
Điều 18. Hội Đồng Thành Viên	12
Điều 19. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.....	14
Điều 20. Thành viên Hội Đồng Thành Viên.....	15
Điều 21. Miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Thành Viên.....	16
Điều 22. Triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên.....	17



Global Knowledge. Local Expertise

Điều 23. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội Đồng Thành Viên.....	18
Điều 24. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên	19
Điều 25. Biên bản họp Hội Đồng Thành Viên.....	21
Điều 26. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên.....	22
Điều 27. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội Đồng Thành Viên chấp thuận.....	22
Điều 28. Ban Kiểm soát.....	23
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	24
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	24
Điều 31. Ban Điều hành	24
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành	25
Điều 33. Tổng Giám đốc	26
Điều 34. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc	26
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	26
Điều 36. Bộ phận kiểm toán nội bộ	27
Điều 37. Bộ phận kiểm soát nội bộ.....	27
Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người Quản Lý.....	27
Điều 39. Người đại diện theo ủy quyền.....	27
Điều 40. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên	29
Điều 41. Nghĩa vụ và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của Công Ty.....	30
Chương IV: TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	30
Điều 42. Năm tài chính.....	30
Điều 43. Kế toán, kiểm toán, thuế.....	30
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	30
Điều 45. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin.....	31
Chương V: GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY	31
Điều 46. Giải thể Công Ty	31
Điều 47. Phá sản Công Ty.....	32
Điều 48. Tổ Chức Lại Công Ty	32
Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	33

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ	33
Điều 50. Hiệu lực của Điều Lệ	33

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Công Ty**” có nghĩa là “Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank” hay “**VCBF**”;

“**Điều Lệ**” có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;

“**FTCH**” có nghĩa là Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited;

“**Hội Đồng Thành Viên**” hoặc “**HĐTV**” có nghĩa là hội đồng thành viên của Công Ty, bao gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của các Thành Viên Góp Vốn;

“**Pháp Luật**” có nghĩa là tất cả các văn bản luật và các quy định hướng dẫn của nước Việt Nam;

“**Luật Chứng Khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

“**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 thông qua ngày 11/01/2022 (luật sửa đổi một số luật trong đó có Luật Doanh nghiệp);

“**Người Có Liên Quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng Khoán;





Global Knowledge. Local Expertise

“**Người Quản Lý**” là người quản lý của Công Ty, bao gồm thành viên Hội Đồng Thành Viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

“**Thành Viên Góp Vốn**” có nghĩa là tổ chức sở hữu một phần Vốn Điều Lệ của Công Ty như được quy định cụ thể tại Điều 9 của Điều Lệ này.

“**TNNH**” được hiểu là trách nhiệm hữu hạn;

“**Tổ Chức Lại**” có nghĩa là quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công Ty;

“**Vietcombank**” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam;

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

“**Vốn Điều Lệ**” là tổng giá trị tài sản do các Thành Viên Góp Vốn đã góp khi thành lập hoặc sau khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn;

“**UBCKNN**” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều Lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên Công Ty

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

2. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

VIETCOMBANK FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

3. Tên giao dịch:

VCBF

4. Tên viết tắt:

VCBF

5. Việc thay đổi tên của Công Ty do Hội Đồng Thành Viên quyết định và phải được UBCKNN điều chỉnh trên giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

1. Công Ty được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH, thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp Luật có liên quan với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều Lệ này.
2. Các Thành Viên Góp Vốn chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
3. Công Ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.
4. Công Ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các Thành Viên Góp Vốn.

Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính và trụ sở chi nhánh

1. Trụ sở chính của Công Ty:
 - Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: (+84) 24 3936 4540
 - Fax: (+84) 24 3936 4542
 - Địa chỉ website: <https://www.vcbf.com/>
2. Trụ sở chi nhánh của Công Ty:
 - Địa chỉ: Phòng 1402, Tầng 14, Tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (+84) 28 3827 0750
 - Fax: (+84) 28 3827 0751
3. Việc thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ trụ sở chính phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Công Ty được phép tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh đã ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do UBCKNN cấp, bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Các hoạt động khác do Hội Đồng Thành Viên VCBF quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 6. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công Ty sẽ được quy định tại giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và có thể được gia hạn theo quy định của Pháp Luật tại thời điểm hết hạn, trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của VCBF.

Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ - THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Điều 8. Vốn Điều Lệ và thay đổi Vốn Điều Lệ

1. Vốn điều lệ của Công Ty (“**Vốn Điều Lệ**”) là 265.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm tỷ Việt Nam đồng) do Thành Viên Góp Vốn đóng góp.
2. Công Ty có thể tăng vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:
 - a. Tăng vốn góp của Thành Viên Góp Vốn;
 - b. Tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới.Trường hợp tăng vốn góp của Thành Viên Góp Vốn thì vốn góp thêm được chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thành Viên Góp Vốn có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 14 của Điều Lệ này. Trường hợp có Thành Viên Góp Vốn không góp hoặc chỉ góp một phần phần vốn góp thêm thì số vốn còn lại của phần vốn góp thêm của thành viên đó được chuyển cho Thành Viên Góp Vốn còn lại góp nốt, nếu không có thỏa thuận khác.
3. Công Ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:
 - a. Hoàn trả một phần vốn góp cho Thành Viên Góp Vốn theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho Thành Viên Góp Vốn;
 - b. Công Ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 13 của Điều Lệ này;

Điều 9. Thành Viên Góp Vốn

Thành Viên Góp Vốn gồm có:

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (“VIETCOMBANK”):

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
2. Quốc tịch: Việt Nam
3. Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008
4. Người đại diện theo ủy quyền: theo văn bản cử người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của Thành Viên Góp vốn tại từng thời điểm.
5. Phần vốn góp: 135.150.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ một trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng).
6. Tỷ lệ phần vốn góp: 51% (Bằng chữ: Năm mươi một phần trăm).

FRANKLIN TEMPLETON CAPITAL HOLDINGS PRIVATE LIMITED (“FTCH”):

1. Địa chỉ trụ sở chính: 7 Temasek Boulevard, # 38-03 Suntec Tower One, Singapore 038987
2. Quốc tịch: Singapore
3. Giấy đăng ký thành lập số 200410050N do Accounting and Corporate Regulatory Authority (Singapore) cấp tại Singapore ngày 11/08/2004
4. Người đại diện theo ủy quyền: theo văn bản cử người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của Thành Viên Góp Vốn tại từng thời điểm.
5. Phần vốn góp: 129.850.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ tám trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng).
6. Tỷ lệ phần vốn góp: 49% (Bằng chữ: Bốn mươi chín phần trăm).

Điều 10. Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành Viên Góp Vốn phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết.
2. Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, Công Ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp tương ứng với giá trị phần vốn đã góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp phải bao gồm tối thiểu các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - b. Vốn điều lệ của Công Ty;
 - c. Tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên Góp Vốn;
 - d. Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của Thành Viên Góp Vốn;
 - e. Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;



Global Knowledge. Local Expertise

- f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
3. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, Thành Viên Góp Vốn được Công Ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp theo trình tự sau:
- Thành Viên Góp Vốn gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận phần góp vốn trong đó nêu rõ:
- Thông tin về giấy chứng nhận phần vốn góp đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp mới.

Điều 11. Sổ đăng ký thành viên

- Công Ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên có thể là văn bản giấy, tập hợp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin sở hữu phần vốn góp của các Thành Viên Góp Vốn.
- Sổ đăng ký thành viên phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của Thành Viên Góp Vốn, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên Góp Vốn;
 - Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng Thành Viên Góp Vốn;
 - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Thành Viên Góp Vốn;
 - Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng Thành Viên Góp Vốn.
- Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi Thành Viên Góp Vốn trong sổ đăng ký thành viên theo yêu cầu của Thành Viên Góp Vốn có liên quan.
- Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Thành Viên Góp Vốn

Thành Viên Góp Vốn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu thông qua một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Thành Viên Góp Vốn thực hiện quyền và nghĩa vụ tại Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ này.

1. Quyền của Thành Viên Góp Vốn:
 - a. Tham dự họp Hội Đồng Thành Viên thông qua người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên Góp Vốn, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên như quy định tại Điều Lệ này;
 - b. Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp do Người đại diện theo ủy quyền đại diện;
 - c. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi Công Ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;
 - d. Được chia giá trị tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với phần vốn góp khi Công Ty giải thể hoặc phá sản;
 - e. Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi Công Ty tăng vốn điều lệ;
 - f. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - g. Tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của Thành Viên Góp Vốn hoặc Công Ty theo quy định của Pháp Luật;
 - h. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật.
2. Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Thành Viên Góp Vốn, nhóm Thành Viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ có thêm các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - b. Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên và các tài liệu khác của Công Ty;
 - d. Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội Đồng Thành Viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.
3. Nghĩa vụ của Thành Viên Góp Vốn
 - a. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty trừ trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật;



Global Knowledge. Local Expertise

- b. Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp rút vốn theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty;
- c. Tuân thủ Điều Lệ này;
- d. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
- e. Tự mình chịu trách nhiệm khi nhân danh Công Ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công Ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- f. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.

Điều 13. Mua lại phần vốn góp

1. Thành Viên Góp Vốn (thông qua người theo đại diện ủy quyền) có quyền yêu cầu Công Ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu (những) người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên Góp Vốn đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên về các vấn đề sau đây:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều Lệ Công Ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Thành Viên Góp Vốn, Hội Đồng Thành Viên;
 - b. Tổ Chức Lại Công Ty.Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định vấn đề quy định tại khoản này.
2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thành Viên Góp Vốn quy định tại khoản 1 Điều này thì Công Ty phải mua lại phần vốn góp của Thành Viên Góp Vốn đó theo giá thị trường trừ trường hợp hai bên thỏa thuận được về giá. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công Ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Nếu Công Ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Thành Viên Góp Vốn đó có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Điều Lệ này.

Điều 14. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Thành Viên Góp Vốn (thông qua người đại diện theo ủy quyền) có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:



Global Knowledge. Local Expertise

- a. Chào bán phần vốn góp đó cho Thành Viên Góp Vốn còn lại với cùng điều kiện chào bán;
 - b. Trường hợp Thành Viên Góp Vốn còn lại của Công Ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chào bán thì được chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với Thành Viên Góp Vốn còn lại cho người thứ ba khác.
2. Thành Viên Góp Vốn chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với Công Ty tương ứng với phần vốn góp cho đến khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.
 3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các Thành Viên Góp Vốn dẫn đến chỉ còn một Thành Viên Góp Vốn, Công Ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật.

Điều 15. Xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt

Phần vốn góp của Thành Viên Góp Vốn được Công Ty mua lại theo quy định tại Điều 13 hoặc được Thành Viên Góp Vốn đó chuyển nhượng theo quy định tại Điều 14 Điều Lệ này trong trường hợp Thành Viên Góp Vốn bị giải thể hoặc phá sản.

Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 16. Hình thức tổ chức của Công Ty

Công Ty hoạt động theo hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty gồm Hội Đồng Thành Viên, Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Tổng Giám đốc.

Điều 18. Hội Đồng Thành Viên

1. Hội Đồng Thành Viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Hội Đồng Thành Viên họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
2. Hội Đồng Thành Viên có tối đa 05 (năm) thành viên, trong đó:

- Vietcombank đề cử tối đa 03 (ba) thành viên (tương ứng với 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền);
 - FTCH đề cử tối đa 02 (hai) thành viên (tương ứng với 02 (hai) người đại diện theo ủy quyền).
3. Hội Đồng Thành Viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - b. Phê duyệt chủ trương và phương thức thành lập các quỹ đầu tư phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư, chính sách và khả năng của Công Ty theo quy định của Pháp Luật;
 - c. Quyết định tăng hoặc giảm vốn Điều Lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;
 - d. Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công Ty; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;
 - e. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý);
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với các thành viên trong Ban Điều Hành, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ và Người Quản Lý khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty;
 - g. Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ và Người Quản Lý khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty;
 - h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công Ty;
 - i. Thông qua Quy chế tài chính nội bộ và Quy chế quản trị của Công Ty;
 - j. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - k. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện;
 - l. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
 - m. Quyết định Tổ Chức Lại Công Ty;
 - n. Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Pháp Luật.

Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Thành Viên có thể giao/phân quyền/ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các quyền hạn của Hội Đồng Thành Viên theo các quy định trong Điều Lệ này.

Điều 19. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

1. Hội Đồng Thành Viên bầu một thành viên làm Chủ tịch, một thành viên làm Phó chủ tịch trên cơ sở đề cử của Thành Viên Góp Vốn. Trừ trường hợp các Thành Viên Góp Vốn có thỏa thuận khác, Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên sẽ do các Thành Viên Góp Vốn đề cử theo cơ chế luân phiên: nếu một Thành Viên Góp Vốn đề cử Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên trong nhiệm kỳ này thì Thành Viên Góp Vốn còn lại sẽ đề cử Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên trong nhiệm kỳ tiếp theo. Ngoài ra, trừ trường hợp các Thành Viên Góp Vốn có thỏa thuận khác, các Thành Viên Góp Vốn cũng sẽ đề cử Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Tổng Giám đốc theo cơ chế luân phiên: nếu một Thành Viên Góp Vốn đề cử Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên thì Thành Viên Góp Vốn còn lại sẽ đề cử Tổng Giám đốc và ngược lại trong nhiệm kỳ tiếp theo.
2. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Thành Viên;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội Đồng Thành Viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Thành Viên;
 - c. Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Thành Viên và/hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Thành Viên;
 - d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - e. Thay mặt Hội Đồng Thành Viên ký nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.
3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên là 03 (ba) năm. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc một thành viên Hội Đồng Thành Viên (trong trường hợp Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên cũng vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên theo quy chế nội bộ của Công Ty tại từng thời điểm. Trường hợp không có thành viên Hội Đồng Thành Viên được Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên chết,

mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội Đồng Thành Viên triệu tập họp các thành viên Hội Đồng Thành Viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Thành Viên.

5. Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có trách nhiệm hỗ trợ Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên khi được ủy quyền.

Điều 20. Thành viên Hội Đồng Thành Viên

1. Thành viên Hội Đồng Thành Viên có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự họp Hội Đồng Thành Viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên;
 - b. Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn được đại diện theo ủy quyền;
 - c. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Thành Viên:
 - a. Phối hợp với Thành Viên Góp Vốn để góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết;
 - b. Tuân thủ Điều lệ này;
 - c. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - d. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm pháp luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
 - e. Các thành viên Hội Đồng Thành Viên tích cực tham gia vào các hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ Ban Điều hành triển khai phương án kinh doanh;
 - f. Thành viên Hội Đồng Thành Viên chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội Đồng Thành Viên về công việc được phân công;
 - g. Phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ này, thực hiện theo các chỉ thị của Thành Viên Góp Vốn tại từng thời điểm;
 - h. Tuân thủ các quy định liên quan của Thành Viên Góp Vốn mà mình đại diện khi tiến hành biểu quyết các vấn đề cần chấp thuận của Thành Viên Góp Vốn;

- i. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội Đồng Thành Viên phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a. Là người đại diện theo uỷ quyền hợp pháp của Thành Viên Góp Vốn;
 - b. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Công Ty và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp Luật;
4. Các thành viên Hội Đồng Thành Viên không hưởng lương, nhưng được hưởng phụ cấp liên quan tới hoạt động của Hội Đồng Thành Viên do Hội Đồng Thành Viên quyết định. Các khoản chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý của Công Ty.

Điều 21. Miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Thành Viên

1. Thành viên Hội Đồng Thành Viên sẽ bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm tư cách trong các trường hợp sau:
 - a. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Hội Đồng Thành Viên do Pháp Luật quy định hoặc UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định;
 - b. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo uỷ quyền của Thành Viên Góp Vốn;
 - c. Mất tích, chết, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - d. Xin từ chức hoặc hết nhiệm kỳ;
 - e. Bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo đúng quy định của Điều lệ này;
 - f. Bị toà án kết tội hình sự; hoặc
 - g. Tiết lộ các bí mật của VCBF dẫn đến ảnh hưởng bất lợi cho VCBF.
2. Khi có bất kỳ thành viên Hội Đồng Thành Viên nào bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội Đồng Thành Viên phải triệu tập cuộc họp để thay thế thành viên này bằng người khác trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Thành Viên. Thành Viên Góp Vốn đề cử thành viên Hội Đồng Thành Viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm có quyền đề cử người khác thay thế.
3. Thành viên Hội Đồng Thành Viên muốn từ chức cần có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến Hội Đồng Thành Viên. Hội Đồng Thành Viên sẽ xem xét và ra nghị quyết/quyết định về việc từ chức theo trình tự tại Điều 24 của Điều Lệ này.

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials and a long horizontal stroke.

Điều 22. Triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên

1. Hội Đồng Thành Viên được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Thành Viên hoặc nhóm thành viên Hội Đồng Thành Viên đại diện từ 10% số vốn điều lệ trở lên. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Thành Viên hoặc nhóm thành viên Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên Hội Đồng Thành Viên hoặc nhóm thành viên Hội Đồng Thành Viên đó triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên.
2. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Thành Viên. Thành viên Hội Đồng Thành Viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số của giấy tờ pháp lý tương đương khác, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên Góp Vốn; họ, tên, chữ ký của (những) thành viên Hội Đồng Thành Viên gửi kiến nghị;
 - b. Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;
 - c. Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - d. Lý do kiến nghị.
3. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội Đồng Thành Viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều này và được gửi đến trụ sở chính của Công Ty chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp Hội Đồng Thành Viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên Hội Đồng Thành Viên dự họp tán thành.
4. Thông báo mời họp Hội Đồng Thành Viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội Đồng Thành Viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.
5. Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Hội Đồng Thành Viên trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty, thông qua chiến lược phát triển Công Ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Các tài liệu khác phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp.

6. Yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên theo quy định tại khoản 1 Điều này có thể bằng văn bản và/hoặc phương tiện điện tử và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số của giấy tờ pháp lý tương đương khác, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên Góp Vốn; tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;
 - b. Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên và vấn đề cần giải quyết;
 - c. Dự kiến chương trình họp.
 - d. Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.
7. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều này thì Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải thông báo bằng văn bản về việc không triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên cho thành viên Hội Đồng Thành Viên, nhóm thành viên Hội Đồng Thành Viên có liên quan biết trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
8. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên theo quy định tại khoản 7 Điều này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty và thành viên Hội Đồng Thành Viên có liên quan.

Điều 23. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội Đồng Thành Viên

1. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) Vốn Điều Lệ trở lên;
2. Trường hợp cuộc họp Hội Đồng Thành Viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên được thực hiện như sau:
 - a. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện từ 50% (năm mươi phần trăm) Vốn Điều Lệ trở lên;
 - b. Trường hợp cuộc họp Hội Đồng Thành Viên lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Hội Đồng



Thành Viên lần thứ ba được tiến hành không cần phụ thuộc vào tỷ lệ Vốn Điều Lệ mà thành viên dự họp đại diện.

Trong bất kỳ trường hợp nào được quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản này, cuộc họp Hội Đồng Thành Viên sẽ chỉ được diễn ra khi mỗi Thành Viên Góp Vốn đều có ít nhất một đại diện theo ủy quyền tham dự.

3. Trường hợp cuộc họp Hội Đồng Thành Viên lần thứ ba quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 23 không đủ điều kiện tiến hành, thông báo mời họp lần thứ tư phải được gửi trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ ba. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên lần thứ tư được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn Điều Lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp. Bất kỳ Nghị quyết nào được đưa ra trong một cuộc họp mà không có sự tham dự của bất kỳ đại diện nào của một Thành Viên Góp Vốn thì cần được thông qua bằng nghị quyết theo quy định tại Điều 24.4.
4. Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến thì có thể kéo dài nhưng không được quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.
5. Cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên có thể mời một hoặc nhiều thành viên Ban Điều hành không phải là thành viên Hội Đồng Thành Viên tham dự và trong trường hợp đó, thành viên Ban Điều hành đó không được quyền bỏ phiếu tại cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên.

Điều 24. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên

1. Hội Đồng Thành Viên thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều Lệ Công Ty;
- b. Quyết định tăng hoặc giảm vốn Điều Lệ;
- c. Quyết định phương hướng, chiến lược phát triển Công Ty;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Thành viên Hội Đồng Thành Viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ;
- e. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần

- nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý);
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công Ty;
 - g. Thông qua Quy chế tài chính nội bộ và Quy chế quản trị của Công Ty;
 - h. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Được các thành viên Hội Đồng Thành Viên dự họp sở hữu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp trở lên tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - b. Được các thành viên Hội Đồng Thành Viên dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số vốn góp của tất cả các thành viên dự họp trở lên tán thành đối với nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau:
 - Bán tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
 - Tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 3. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 4. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) Vốn Điều Lệ trở lên tán thành.
 5. Thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Thành Viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;

- b. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết, quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên;
- c. Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ theo quy định pháp luật, có chữ ký của thành viên Hội Đồng Thành Viên và được gửi về Công Ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Công Ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội Đồng Thành Viên. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên Hội đồng thành viên;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Điều 25. Biên bản họp Hội Đồng Thành Viên

1. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi lại và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp Hội Đồng Thành Viên phải thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b. Họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của Thành Viên Góp Vốn, người đại diện theo ủy quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của Thành Viên Góp Vốn, người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên Góp Vốn không dự họp;
 - c. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên Hội Đồng Thành Viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d. Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết (trường hợp tất cả các vấn đề biểu quyết được

- thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số Vốn Điều Lệ thì liệt kê chung các vấn đề được biểu quyết thông qua);
- e. Các quyết định được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
 - f. Họ, tên và nội dung ý kiến của người dự họp không đồng ý thông qua biên bản họp (nếu có);
 - g. Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản họp này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Thành Viên tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản 2 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Thành Viên. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 26. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên

- 1. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết, quyết định đó.
- 2. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số Vốn Điều Lệ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.
- 3. Trường hợp thành viên Hội Đồng Thành Viên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều này cho đến khi có quyết định hủy bỏ của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 27. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội Đồng Thành Viên chấp thuận

- 1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với đối tượng sau đây phải được Hội Đồng Thành Viên chấp thuận:
 - a. Thành viên Hội Đồng Thành Viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật của Công Ty;
 - b. Người Có Liên Quan của người quy định tại điểm a khoản này;



- c. Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - d. Người Có Liên Quan của người quy định tại điểm c khoản này.
2. Người nhân danh Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này phải thông báo cho các thành viên Hội Đồng Thành Viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội Đồng Thành Viên phải quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều Lệ này. Thành viên Hội Đồng Thành Viên có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.
 3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của Pháp Luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên Hội Đồng Thành Viên có liên quan và Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Thành Viên đó tham gia hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 28. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của VCBF gồm 01 (một) Kiểm soát viên. Trừ trường hợp các Thành Viên Góp Vốn có thỏa thuận khác, Kiểm soát viên sẽ do các Thành Viên Góp Vốn đề cử theo cơ chế luân phiên: nếu một Thành Viên Góp Vốn đề cử Kiểm soát viên trong nhiệm kỳ này thì Thành Viên Góp Vốn còn lại sẽ đề cử Kiểm soát viên trong nhiệm kỳ tiếp theo. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải thông thạo về công tác kế toán tài chính và am hiểu về hoạt động kinh doanh của VCBF và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp Luật. Kiểm soát viên không được cùng lúc giữ bất kỳ chức vụ nào trong bộ máy điều hành của VCBF, không được là Người Có Liên Quan của các thành viên Hội Đồng Thành Viên và Ban Điều hành của VCBF.
3. Kiểm soát viên không hưởng lương, nhưng được hưởng phụ cấp liên quan tới hoạt động của Ban Kiểm soát do Hội Đồng Thành Viên quyết định. Các khoản chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý của VCBF.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Kiểm tra sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của VCBF;
2. Trình Hội Đồng Thành Viên kết quả thẩm tra tài chính của VCBF. Hội Đồng Thành Viên thông qua báo cáo tài chính hàng năm sau khi được Ban Kiểm soát xem xét và có ý kiến;
3. Báo cáo Hội Đồng Thành Viên về những sự kiện tài chính bất thường, về ưu, khuyết điểm trong quản lý tài chính của Ban Điều hành;
4. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Thành Viên và Pháp Luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; và
5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:
 - a. Kiểm soát viên được miễn nhiệm khi:
 - Không đáp ứng các quy định tại Điều Lệ này và/hoặc quy định pháp luật có liên quan;
 - Có đơn xin từ chức và được Thành Viên Góp Vốn đã đề cử Kiểm soát viên chấp thuận;
 - Thành Viên Góp Vốn đã đề cử Kiểm soát viên thôi cử.
 - b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm khi:
 - Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và/hoặc Điều Lệ này.
2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được/phát hiện thông tin có thể dẫn đến miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Kiểm soát viên, Hội Đồng Thành Viên sẽ họp để xem xét và giải quyết.
3. Trong trường hợp bất kỳ Kiểm soát viên được miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm, Thành Viên Góp Vốn đề cử thành viên đó có quyền đề cử người khác thay thế.

Điều 31. Ban Điều hành

1. Ban Điều Hành VCBF gồm Tổng Giám đốc và một hoặc nhiều Phó Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Ban Điều hành không quá 03 (ba) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm

- kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Ban Điều hành phải được báo cáo với UBCKNN nếu Pháp Luật có yêu cầu.
2. Trừ trường hợp các Thành Viên Góp Vốn có thỏa thuận khác, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất sẽ do các Thành Viên Góp Vốn luân phiên đề cử theo cơ chế nếu một Thành Viên Góp Vốn đề cử Tổng Giám đốc thì Thành Viên Góp Vốn còn lại sẽ đề cử Phó Tổng Giám đốc thứ nhất và ngược lại trong nhiệm kỳ tiếp theo. Các Phó Tổng Giám đốc khác, nếu có, sẽ do Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm trên cơ sở thông qua nghị quyết theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 24 của Điều Lệ này
 3. Tổng Giám đốc phân định quyền hạn và nhiệm vụ của các Phó Tổng Giám đốc và báo cáo Hội Đồng Thành Viên về việc phân định quyền hạn, nhiệm vụ nêu trên nếu Hội Đồng Thành Viên có yêu cầu.
 4. Kế toán trưởng của VCBF do Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề cử/thôi cử của Vietcombank hoặc đề xuất của Ban Điều hành VCBF (và được Vietcombank chấp thuận). Trường hợp Kế toán trưởng vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật và/hoặc Điều Lệ này gây ra thiệt hại cho Công Ty, Hội Đồng Thành Viên sẽ xem xét bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Kế toán trưởng được Hội Đồng Thành Viên thực hiện bằng nghị quyết/quyết định theo quy định tại Điều 24 của Điều Lệ này.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành

1. Miễn nhiệm:
 - Thành Viên Góp Vốn đề cử sẽ có quyền thôi cử Thành viên Ban Điều Hành và thông báo bằng văn bản đến Hội Đồng Thành Viên để xem xét miễn nhiệm.
 - Thành viên Ban Điều Hành khác không do Thành Viên Góp Vốn đề cử sẽ do Hội Đồng Thành Viên xem xét miễn nhiệm trên cơ sở thông qua nghị quyết theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 24 của Điều Lệ này.
 - Thành viên nào trong Ban Điều Hành muốn từ chức thì phải gửi đơn đến Hội Đồng Thành Viên, trong đó nêu rõ các lý do từ chức, để Hội Đồng Thành Viên xem xét miễn nhiệm.
2. Bãi nhiệm:

Thành viên Ban Điều Hành bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

 - Bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế

- hoặc mất năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- Bị toà án kết tội hình sự;
 - Tiết lộ các bí mật của VCBF dẫn đến ảnh hưởng bất lợi cho VCBF, hoặc có các hoạt động gây thiệt hại cho việc kinh doanh của VCBF.
3. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức, thông báo thôi cử người đại diện theo ủy quyền, được biết về tình hình dẫn đến khả năng bãi nhiệm, Hội Đồng Thành Viên sẽ họp để xem xét và giải quyết.
 4. Trong trường hợp bất kỳ thành viên nào của Ban Điều hành từ chức, bị miễn nhiệm hay bị bãi nhiệm, Thành Viên Góp Vốn đề cử thành viên Ban Điều Hành bị miễn nhiệm hay bị bãi nhiệm đó sẽ có quyền đề cử người khác thay thế.

Điều 33. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công Ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Thành Viên và trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 34. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của Pháp Luật;
2. Có tối thiểu 04 (bốn) năm kinh nghiệm tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
3. Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của Pháp Luật;
4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 (sáu) tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
5. Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của Pháp Luật tùy từng thời điểm.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty.

4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên.
6. Ký kết hợp đồng nhân danh Công Ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.
7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội Đồng Thành Viên.
8. Kiến nghị phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
9. Tuyển dụng lao động.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty, quy chế nội bộ về hoạt động của Ban Điều hành VCBF, hợp đồng lao động và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên.

Điều 36. Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Thành Viên.
2. Bộ phận kiểm toán nội bộ có các trách nhiệm và nguyên tắc hoạt động phù hợp với quy định tại Điều 5 của Thông tư số 99/2020/TT-BTC, quy định nội bộ của Công Ty và các quy định Pháp Luật khác tại từng thời điểm.

Điều 37. Bộ phận kiểm soát nội bộ

1. Công Ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, quản lý của Công Ty, thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm cơ chế, chính sách, quy trình và quy định nội bộ.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ có các trách nhiệm phù hợp với quy định tại Điều 6 của Thông tư số 99/2020/TT-BTC, quy định nội bộ của Công Ty và các quy định Pháp Luật khác tại từng thời điểm.

Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người Quản Lý

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người Quản Lý sẽ theo quy chế lương và/hoặc các quy định có liên quan khác được Công Ty ban hành tại từng thời điểm.

Điều 39. Người đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên Góp Vốn phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh Thành Viên Góp Vốn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định

của Điều Lệ này. Số lượng người đại diện theo ủy quyền của mỗi Thành Viên Góp Vốn cụ thể như sau:

- Vietcombank cử tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền;
 - FTCH cử tối đa 02 (hai) người đại diện theo ủy quyền.
2. Trường hợp Thành Viên Góp Vốn cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Thành Viên Góp Vốn không xác định phần vốn góp tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
 3. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của Pháp Luật.
 4. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp Luật về doanh nghiệp;
 - b. Thành Viên Góp Vốn là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty Thành Viên Góp Vốn và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty Thành Viên Góp Vốn làm người đại diện tại VCBF;
 - c. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp Luật.
 5. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Thành Viên Góp Vốn thực hiện quyền và nghĩa vụ tại Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và quy chế nội bộ về hoạt động của Ban Điều hành VCBF tại từng thời điểm. Mọi hạn chế của Thành Viên Góp Vốn đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tương ứng tại Hội Đồng Thành Viên đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
 6. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Hội Đồng Thành Viên; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Thành Viên Góp Vốn cử đại diện.
 7. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Thành Viên Góp Vốn do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Thành Viên Góp Vốn cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 40. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên

1. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
 - b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp và doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối;
 - d. Trách nhiệm khác theo quy định của Điều Lệ Công Ty.
2. Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc không được tăng tiền lương, trả thưởng khi Công Ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Thông báo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà họ làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối.
4. Thông báo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi liên quan. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này và các hợp đồng, giao dịch của họ với Công Ty. Danh sách này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Thành Viên, Người Quản Lý, Kiểm soát viên của Công Ty và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin quy định tại khoản 3 Điều này trong giờ làm việc theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ Công Ty.

Điều 41. Nghĩa vụ và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của Công Ty

Công Ty cam kết thực hiện các nghĩa vụ và tuân thủ các hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Thông tư số 99/2020/TT-BTC và quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

Chương IV: TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 43. Kế toán, kiểm toán, thuế

1. Công Ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của Pháp Luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trước khi trình Hội Đồng Thành Viên và Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công Ty phải được gửi đến UBCKNN và cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho các Thành Viên Góp Vốn, lợi nhuận sau thuế của Công Ty cuối năm tài chính phải được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của Pháp Luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi Pháp Luật hiện hành sẽ do Hội Đồng Thành Viên quyết định.
2. Công Ty chỉ phân chia lợi nhuận cho các Thành Viên Góp Vốn dựa trên nguyên tắc:
 - a. Công Ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;
 - b. Công Ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi phân chia lợi nhuận, nghĩa là: không có nợ quá hạn, không có nghĩa vụ tài sản

- khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được, không đảo nợ, dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán;
- c. Công Ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho các Thành Viên Góp Vốn, đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.
3. Hội Đồng Thành Viên chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách Thành Viên Góp Vốn được phân chia lợi nhuận và thời điểm phân phối lợi nhuận.
4. Khi kinh doanh thua lỗ, Công Ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của Pháp Luật.

Điều 45. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin

1. Công Ty có nghĩa vụ thực hiện báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của Công Ty và các quỹ, Công Ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý theo quy định của Pháp Luật.
2. Công Ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Công Ty phải lưu trữ đầy đủ tại trụ sở chính, chi nhánh, đại lý phân phối cũng như tại trang thông tin điện tử của Công Ty và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư các tài liệu sau:
- a. Điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
- b. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
- c. Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của Pháp Luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất;
- d. Báo cáo về giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của Pháp Luật về quỹ đầu tư chứng khoán.

Chương V: GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 46. Giải thể Công Ty

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà không gia hạn hoạt động;
 - b. Giải thể tự nguyện theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.
2. Công Ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán, việc giải thể thực hiện theo quy định Pháp Luật về phá sản.
 3. Kể từ khi được UBCKNN chấp thuận giải thể, Hội Đồng Thành Viên không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của Pháp Luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công Ty.

Điều 47. Phá sản Công Ty

Việc phá sản Công Ty được tiến hành theo các quy định của Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn.

Điều 48. Tổ Chức Lại Công Ty

1. Công Ty thực hiện tổ chức lại theo các quy định của Luật Chứng Khoán và Luật Doanh Nghiệp.
2. Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, Công Ty, Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành phải:
 - a. Bảo đảm an toàn tài sản của Công Ty, không được cất giấu, tẩu tán tài sản của Công Ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao;
 - b. Bảo đảm các công ty tham gia Tổ Chức Lại có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi công ty hình thành sau tổ chức lại được cấp, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - c. Tuân thủ các quy định của Pháp Luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Thành Viên Góp Vốn phản đối việc tổ chức lại có quyền yêu cầu Công Ty mua lại phần vốn góp. Chủ nợ có quyền yêu cầu Công Ty hoàn trả khoản vay khi thực hiện Tổ Chức Lại. Các yêu cầu nêu trên được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.



Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Hội Đồng Thành Viên quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì áp dụng quy định của Pháp Luật đó.

Điều 50. Hiệu lực của Điều Lệ

1. Bản Điều Lệ này gồm 6 (sáu) chương 50 (năm mươi) điều được Hội Đồng Thành Viên thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.
2. Điều Lệ được lập thành 10 (mười) bản bằng tiếng Việt và 06 (sáu) bản bằng tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai bản tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ có giá trị ưu tiên áp dụng.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK



VŨ QUANG ĐÔNG